

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2020

V/v: ly hôn giữa

Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm

Công T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Quang Bảo

2. Bà Vương Thị Minh Tân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ích Sáng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1984; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 08/48 đường M, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Công T, sinh năm 1978; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 08/48 đường M, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị H có mặt, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 04-6-2020, bản tự khai ngày 10-6-2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Công T kết hôn có tình hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định vào Tháng 3-2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2010

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống chung giữa hai bên xảy ra nhiều bất đồng, không hòa hợp, hai bên không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên hay va chạm, cãi nhau. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhiều lần nhưng không có kết quả dẫn đến việc chung sống không còn tình cảm và không còn sự tôn trọng lẫn nhau, hai bên đã ly thân. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm không khắc phục được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Công T.

- *Về con chung*: chị H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Công A, sinh ngày 22-8-2005. Chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại tòa án.

3. Tại biên bản lấy lời khai cháu Phạm Công A, sinh ngày 22-8-2005 trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu xin được ở cùng với mẹ.

4. Tại biên bản xác minh ngày 22-6-2020 chính quyền địa phương nơi chị H và anh T cung cấp: Quá trình chung sống tại địa phương chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp. Địa phương cũng đã nói chuyện và hòa giải giữa hai bên nhưng không có kết quả nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N phát biểu quan điểm:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Công T. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Phạm Công A, sinh ngày 22-8-2005. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Phạm Công T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Công T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Công T.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống nên xảy ra va chạm cãi nhau. Từ những mâu thuẫn trên anh chị cũng đã có thời gian khắc phục hàn gắn nhưng không được nên mâu thuẫn trở nên căng thẳng hơn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện để hai bên đoàn tụ nhưng anh T không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết ly hôn với anh T.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Công T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Công A, sinh ngày 22-8-2005.

Xét thấy, chị H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung vì chị có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo được việc chăm sóc nuôi dưỡng con. Cháu Phạm Công A cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, anh T lại không có lời khai thể hiện quan điểm về giao nuôi con chung nên Hội đồng xét xử giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí ly hôn: Chị H phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Công T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Phạm Công A, sinh ngày 22-8-2005. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Phạm Công T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị Thu H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002973 ngày 11 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Chị Trần Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Công T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Công T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố N
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường V;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Mạnh Hà**